TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2019/QĐST- HNGĐ	*Thanh Thủy, ngày 03 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tiến M** - Sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu 22 xã H, huyện T, tỉnh P

Bị đơn: Chị **Phùng Thị T**, Sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu 22 xã H, huyện T, tỉnh P

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Tiến M và chị Phùng Thị T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*.Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung: Cháu Nguyễn Như P, sinh ngày 17/02/199x. Hiện nay cháu đã khôn lớn trưởng thành, có cuộc sống ổn định anh chị không yêu cầu giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 02/02/200x cho anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu K trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 11/7/201x cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu M trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, hai đều bên có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

*.Về tài sản chung: Anh M và chị T không đề nghị Tòa án giải quyết

*.Về nợ chung: Anh M và chị T không đề nghị giải quyết

- Về án phí hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến M tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh M đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001525 ngày 16/4/2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí. Hoàn trả lại cho anh M 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện, tỉnh.*
- *T.H.A. dân sự huyện*
- *UBND xã H*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

BÙI KHOA HƯƠNG